

Kính gửi: Trưởng phòng GD&ĐT huyện, thị xã, thành phố.

Căn cứ Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (gọi tắt là Nghị định số 20); Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (gọi tắt là Thông tư số 07); thực hiện Kế hoạch số 41/KH-BCĐ ngày 21/02/2020 của Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (PCGD, XMC) tỉnh về việc thực hiện công tác PCGD, XMC năm 2020; để chuẩn bị cho công tác kiểm tra công nhận kết quả PCGD, XMC năm 2020, Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) hướng dẫn thực hiện một số nội dung như sau:

I. NỘI DUNG KIỂM TRA

1. Kiểm tra PCGD, XMC gồm:

- a. Kiểm tra PCGD mầm non trẻ em 5 tuổi.
- b. Kiểm tra Xóa mù chữ.
- c. Kiểm tra PCGD tiểu học;
- d. Kiểm tra PCGD THCS.
- e. Kiểm tra thanh niên trong độ tuổi 18-21 có bằng tốt nghiệp THPT và tương đương.

2. Kiểm tra việc huy động ít nhất 60% người khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục (độ tuổi từ 5 tuổi đến 60 tuổi).

II. THỜI GIAN

1. Từ 01/10/2020 đến 20/10/2020, Ban chỉ đạo PCGD, XMC tham mưu UBND cấp xã chỉ đạo thực hiện một số công việc sau:

- Tiếp tục tổ chức tuyên truyền, vận động các tổ chức và cá nhân phối hợp với các cơ sở giáo dục trên địa bàn thực hiện PCGD, XMC.
- Kiểm tra tiến độ việc thực hiện kế hoạch PCGD, XMC của xã năm 2020.
- Điều ra, bổ sung, cập nhật các số liệu PCGD, XMC năm 2020.

- Rà soát, kiểm tra việc lưu trữ, thực hiện các loại hồ sơ PCGD, XMC của địa phương; chú ý đảm bảo tính pháp lý của hồ sơ, đảm bảo các số liệu đúng với tình hình thực tế của địa phương.

- Tổ chức tự kiểm tra và lập hồ sơ đề nghị UBND cấp huyện kiểm tra công nhận xã đạt chuẩn PCGD, XMC.

- Báo cáo số liệu thống kê PCGD, XMC cho UBND cấp huyện.

2. Từ 21/10/2020 đến 10/11/2020, phòng GD&ĐT huyện, thị xã, thành phố tham mưu UBND huyện, thị xã, thành phố:

a. Thực hiện kiểm tra và tham mưu ban hành Quyết định công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn PCGD, XMC năm 2020.

b. Có văn bản đề nghị UBND tỉnh thành lập đoàn kiểm tra công nhận của tỉnh về kiểm tra công nhận huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn PCGD, XMC năm 2020. *Văn bản đề nghị làm thành 03 bản gửi về Sở GD&ĐT (Phòng GDTrH).*

3. Từ ngày 10/11/2020 đến ngày 30/11/2020: Sở GD&ĐT tham mưu UBND tỉnh thành lập đoàn kiểm tra của tỉnh để kiểm tra công nhận huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn PCGD, XMC năm 2020; tổ chức họp các đoàn kiểm tra của tỉnh để thống nhất thời gian kiểm tra các huyện, thị xã, thành phố.

4. Từ ngày 01/12/2020 đến ngày 21/12/2020: các Đoàn kiểm tra PCGD, XMC của tỉnh tiến hành kiểm tra công nhận huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn PCGD, XMC năm 2020. Phòng GD&ĐT gửi 04 biên bản kiểm tra (cả 04 biên bản có đóng dấu đỏ) công nhận huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn PCGD, XMC năm 2020 của Đoàn kiểm tra của tỉnh về Sở GD&ĐT (Phòng Giáo dục Trung học) để tập hợp lưu hồ sơ và trình UBND tỉnh ra quyết định công nhận huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn PCGD, XMC năm 2020; trình Bộ GD&ĐT công nhận tỉnh Long An đạt chuẩn PCGD, XMC năm 2020.

5. Thời gian nộp báo cáo và các biểu mẫu thống kê là ngay khi Đoàn kiểm tra tỉnh hoàn tất đợt kiểm tra (theo Điều 27 của Nghị định 20) gồm:

a. Báo cáo quá trình thực hiện và kết quả PCGD, XMC năm 2020 kèm các biểu thống kê.

b. Biên bản kiểm tra PCGD, XMC năm 2020 của huyện, thị xã, thành phố đối với xã, phường, thị trấn.

c. Quyết định công nhận xã, phường thị trấn đạt chuẩn PCGD, XMC năm 2020 của UBND huyện, thị xã, thành phố.

Ba loại hồ sơ 3a, 3b, 3c được sắp theo thứ tự, đóng thành quyển (bộ); các loại hồ sơ phải đảm bảo đều có đóng con dấu đỏ. Phòng GD&ĐT gửi 04 bộ về Sở GD&ĐT (Phòng Giáo dục Trung học) trước ngày 26/12/2020 để tập hợp lưu

hồ sơ và trình UBND tỉnh ra quyết định công nhận huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn PCGD, XMC năm 2020.

6. Từ ngày 22/12/2020 đến ngày 31/12/2020, Sở GD&ĐT:

- a. Báo cáo kết quả PCGD, XMC năm 2020 về UBND tỉnh và Bộ GD&ĐT.
- b. Tham mưu UBND tỉnh ra quyết định công nhận huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn PCGD, XMC năm 2020.
- c. Lập hồ sơ đề nghị Bộ GD&ĐT công nhận tỉnh Long An đạt chuẩn PCGD, XMC năm 2020.

III. Quy định về kiểm tra, đánh giá và công nhận

- Thực hiện theo Nghị định số 20; Thông tư số 07 và các văn bản có liên quan.

- Nhằm phục vụ cho công tác kiểm tra, đánh giá được thuận lợi cần thực hiện báo cáo PCGD, XMC chung trong một báo cáo theo phụ lục đính kèm.

Sở GD&ĐT yêu cầu Trưởng phòng GD&ĐT các huyện, thị xã, thành phố có kế hoạch triển khai thực hiện theo đúng thời gian nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Các TV BCĐ PCGD, XMC tỉnh (p/h chỉ đạo);
- UBND các huyện, TX, TP (p/h chỉ đạo);
- Các phòng Sở, Thanh tra Sở;
- Lưu: VT, P.GDTrH.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phan Thị Dạ Thảo

Phụ lục mẫu báo cáo

UBND HUYỆN.....
BAN CHỈ ĐẠO PCGD, XMC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BC-BCĐ , ngày tháng năm 2020

BÁO CÁO

**Quá trình thực hiện và kết quả Phổ cập giáo dục, Xóa mù chữ
huyện (thị xã, thành phố)..... năm 2020**

Căn cứ các văn bản liên quan

PHẦN A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

- I. Tình hình chung (địa lý, hành chính, kinh tế, xã hội...)
- II. Tình hình giáo dục (mạng lưới trường lớp, học sinh, kết quả giáo dục cuối năm, hoàn thành chương trình/tốt nghiệp...)
- III. Thuận lợi, khó khăn
 1. Thuận lợi
 2. Khó khăn

PHẦN B. QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN VÀ KẾT QUẢ PHỔ CẬP GIÁO DỤC, XÓA MÙ CHỮ (PCGD, XMC)

- I. Quá trình thực hiện
 1. Công tác tuyên truyền
 2. Thực hiện nhiệm vụ của Ban chỉ đạo PCGD-XMC (củng cố, kiện toàn BCĐ; triển khai, ban hành các văn bản; thực hiện nhiệm vụ của thành viên BCĐ; công tác phối hợp...)
 3. Công tác triển khai, tổ chức thực hiện (văn bản, phối hợp, chỉ đạo, họp, sơ kết, tổng kết, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ, điều tra, vận động mở lớp, công nhận hết lớp PCGD, XMC, hồ sơ sổ sách, kiểm tra công nhận đạt chuẩn PCGD, XMC, kinh phí, các chế độ, chính sách...)
 4. Khai thác, sử dụng hệ thống thông tin quản lý dữ liệu PCGD, XMC của Bộ GD&ĐT
 5. Công tác xã hội hóa về giáo dục, PCGD, XMC

II. Kết quả PCGD, XMC

1. PCGD mầm non cho trẻ em 5 tuổi
 - a. Tiêu chuẩn công nhận đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ em 5 tuổi
 - Tổng số trẻ em 5 tuổi đến lớp/tổng số trẻ em 5 tuổi trên địa bàn:
...../....., tỷ lệ....%.

- Tổng số trẻ em 5 tuổi đến lớp hoàn thành chương trình giáo dục mầm non/ tổng số trẻ em 5 tuổi đến lớp:...../....., tỷ lệ%

- Huy động trẻ khuyết tật có khả năng học tập vào nhà trường:/....., tỷ lệ.....

b. Về đội ngũ giáo viên và nhân viên

- Số giáo viên được hưởng chế độ chính sách/tổng số giáo viên:/..... tỷ lệ:....%.

- Đủ giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi theo quy định tại thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của liên tịch Bộ GD&ĐT và Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập.

- Số giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi đạt chuẩn trình độ đào tạo (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 72 Luật Giáo dục năm 2019)/tổng số giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi:/....., tỷ lệ%.

- Số giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi đạt yêu cầu chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non (theo quy định tại Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành quy định về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non)/ tổng số giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi:/....., tỷ lệ%.

- Số người theo dõi công tác PCGD, XMC tại địa bàn được phân công:...

c. Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Huyện, thị xã, thành phố có mạng lưới cơ sở giáo dục thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi theo quy hoạch, điều kiện giao thông bảo đảm đưa đón trẻ thuận lợi, an toàn.

- Cơ sở giáo dục mầm non có:

+ Số phòng học (phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ) cho lớp mẫu giáo 5 tuổi đạt tỉ lệ ít nhất 1,0 phòng học/lớp; phòng học cho lớp mẫu giáo 5 tuổi được xây kiên cố hoặc bán kiên cố, an toàn, trong đó có phòng sinh hoạt chung bảo đảm diện tích tối thiểu 1,5m²/trẻ; phòng học đủ ánh sáng, ấm về mùa đông, thoáng mát về mùa hè.

+ Có.....lớp mẫu giáo 5 tuổi, trong đó lớp mẫu giáo 5 tuổi có đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định tại Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non và Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT ngày 17/9/2013 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT tạo sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đạt tỷ lệ%.

+ Sân chơi xanh, sạch, đẹp và đồ chơi ngoài trời được sử dụng thường xuyên, an toàn; có nguồn nước sạch, hệ thống thoát nước; đủ công trình vệ sinh sử dụng thuận tiện, bảo đảm vệ sinh.

Kết quả: số xã, phường, thị trấn được công nhận đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ em 5 tuổi/Tổng số xã, phường, thị trấn:/....., tỷ lệ: %.

2. PCGD tiểu học

a. Tiêu chuẩn công nhận đạt chuẩn PCGD tiểu học

- Tổng số trẻ em 6 tuổi vào lớp 1/tổng số trẻ em 6 tuổi trên địa bàn:/....., tỷ lệ....%.

- Tổng số trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học/tổng số trẻ em 11 tuổi trên địa bàn:/....., tỷ lệ....%. Các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học/tổng số trẻ em 11 tuổi trên địa bàn:/....., tỷ lệ....%.

- Tổng số trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học/ tổng số trẻ em đến 14 tuổi trên địa bàn:/....., tỷ lệ....%.

- Huy động người khuyết tật có khả năng học tập vào nhà trường:/....., tỷ lệ.....

b. Về đội ngũ giáo viên và nhân viên, cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học

- Đủ giáo viên và nhân viên theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

- Số giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 72 Luật giáo dục năm 2019)/ tổng số giáo viên:/....., tỷ lệ%.

- Số giáo viên đạt yêu cầu chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học theo quy định tại Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành quy định về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông)/tổng số giáo viên:/....., tỷ lệ%.

- Số người theo dõi công tác PCGD, XMC tại địa bàn được phân công:...

c. Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học:

- Huyện, thị xã, thành phố có mạng lưới cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học theo quy hoạch, điều kiện giao thông bảo đảm cho học sinh đi học thuận lợi, an toàn;

- Cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học có:

+ Số phòng học đạt tỉ lệ ít nhất 0,7 phòng/lớp; phòng học theo tiêu chuẩn quy định, an toàn; có đủ bàn ghế phù hợp với học sinh; có bảng, bàn ghế của giáo viên; đủ ánh sáng, ấm về mùa đông, thoáng mát về mùa hè; có điều kiện tối

thiếu dành cho học sinh khuyết tật học tập thuận lợi; có thư viện, phòng y tế học đường, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động Đội; phòng làm việc của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng; văn phòng, phòng họp cho giáo viên và nhân viên.

+ Đủ thiết bị dạy học tối thiểu quy định tại Thông tư số 15/2009/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học; thiết bị dạy học được sử dụng thường xuyên, dễ dàng, thuận tiện;

+ Sân chơi và bãi tập với diện tích phù hợp, được sử dụng thường xuyên, an toàn; môi trường xanh, sạch, đẹp; có nguồn nước sạch, hệ thống thoát nước; có công trình vệ sinh sử dụng thuận tiện, bảo đảm vệ sinh dành riêng cho giáo viên, học sinh, riêng cho nam, nữ.

Kết quả:

- Số xã, phường, thị trấn được công nhận đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 1/tổng số xã, phường, thị trấn:/....., tỷ lệ: %.

- Số xã, phường, thị trấn được công nhận đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 2/tổng số xã, phường, thị trấn:/....., tỷ lệ: %.

- Số xã, phường, thị trấn được công nhận đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3/tổng số xã, phường, thị trấn:/....., tỷ lệ: %.

3. PCGD trung học cơ sở

a. Tiêu chuẩn công nhận đạt chuẩn PCGD trung học cơ sở

- Tổng số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tốt nghiệp trung học cơ sở/tổng số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đã hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học trên địa bàn:/....., tỷ lệ....%.

- Tổng số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp/tổng số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tốt nghiệp trung học cơ sở trên địa bàn:/....., tỷ lệ....%.

- Huy động người khuyết tật có khả năng học tập vào nhà trường:/....., tỷ lệ.....

b. Về đội ngũ giáo viên và nhân viên, cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở có:

- Đủ giáo viên và nhân viên làm công tác thư viện, thiết bị, thí nghiệm, văn phòng theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

- Số giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 72 Luật giáo dục năm 2019)/tổng số giáo viên:/....., tỷ lệ%.

- Số giáo viên đạt yêu cầu chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở (theo quy định tại Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở, giáo viên trung học phổ thông)/ tổng số giáo viên:/....., tỷ lệ%.

- Số người theo dõi công tác PCGD, XMC tại địa bàn được phân công:...

c. Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Huyện, thị xã, thành phố có mạng lưới cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện phổ cập trung học cơ sở theo quy hoạch, điều kiện giao thông bảo đảm cho học sinh đi học thuận lợi, an toàn.

- Cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở có:

+ Số phòng học đạt tỉ lệ ít nhất 0,5 phòng/lớp; phòng học được xây dựng theo tiêu chuẩn quy định, an toàn; có đủ bàn ghế phù hợp với học sinh; có bảng, bàn ghế của giáo viên; đủ ánh sáng, ấm về mùa đông, thoáng mát về mùa hè; có điều kiện tối thiểu dành cho học sinh khuyết tật học tập thuận lợi; có phòng làm việc của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, văn phòng, phòng họp cho giáo viên và nhân viên, phòng y tế trường học, thư viện, phòng thí nghiệm;

+ Đủ thiết bị dạy học tối thiểu quy định tại Thông tư số 19/2009/TT-BGDĐT ngày 11/8/2009 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp trung học cơ sở; thiết bị dạy học được sử dụng thường xuyên, dễ dàng, thuận tiện.

- Sân chơi và bãi tập với diện tích phù hợp, được sử dụng thường xuyên, an toàn; môi trường xanh, sạch, đẹp; có nguồn nước sạch, hệ thống thoát nước; có công trình vệ sinh sử dụng thuận tiện, bảo đảm vệ sinh dành riêng cho giáo viên, học sinh, riêng cho nam, nữ.

Kết quả:

- Số xã, phường, thị trấn được công nhận đạt chuẩn PCGD trung học cơ sở mức độ 1/tổng số xã, phường, thị trấn:/....., tỷ lệ: %.

- Số xã, phường, thị trấn được công nhận đạt chuẩn PCGD trung học cơ sở mức độ 2/tổng số xã, phường, thị trấn:/....., tỷ lệ: %.

- Số xã, phường, thị trấn được công nhận đạt chuẩn PCGD trung học cơ sở mức độ 3/tổng số xã, phường, thị trấn:/....., tỷ lệ: %.

4. Số lượng và tỷ lệ phần trăm thanh niên trong độ tuổi 18-21 có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

- Số học sinh tốt nghiệp THCS/tổng số học sinh lớp 9 (2 hệ) năm qua: .../.....,

tỷ lệ%. Trong đó, số học sinh vào học lớp 10 (2 hệ)/tổng số học sinh tốt nghiệp THCS:/....., tỷ lệ%; số học sinh vào các trường nghề, TCCN/tổng số học sinh tốt nghiệp THCS:/....., tỷ lệ%.

- Số học sinh lớp 12 tốt nghiệp THPT (2 hệ)/tổng số học sinh lớp 12 (2 hệ) năm qua: .../....., tỷ lệ%.

- Số đối tượng trong độ tuổi 18-21 có bằng tốt nghiệp THPT, TCCN, tốt nghiệp nghề/tổng số đối tượng trong độ tuổi 18-21:/....., tỷ lệ%.

b. Về đội ngũ giáo viên và nhân viên, cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện công tác thanh niên trong độ tuổi 18-21 có bằng tốt nghiệp THPT và tương đương có:

- Đủ giáo viên và nhân viên làm công tác thư viện, thiết bị, thí nghiệm, văn phòng theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

- Số giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 72 Luật giáo dục năm 2019)/tổng số giáo viên:/..... tỷ lệ%.

- Số giáo viên đạt yêu cầu chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học (theo quy định tại Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành quy định về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông)/tổng số giáo viên:/....., tỷ lệ%.

- Số người theo dõi công tác PCGD, XMC tại địa bàn được phân công:...

c. Số trường THPT đạt chuẩn quốc gia/tổng số trường THPT: ./...., tỷ lệ ...%.

5. Xóa mù chữ

a. Tiêu chuẩn công nhận đạt chuẩn xóa mù chữ

- Số người trong độ tuổi từ 15 đến 35 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 1/tổng số người trong độ tuổi từ 15 đến 35 trên địa bàn:/....., tỷ lệ....%.

- Số người trong độ tuổi từ 15 đến 25 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 1/tổng số người trong độ tuổi từ 15 đến 25 trên địa bàn:/....., tỷ lệ....%.

- Số người trong độ tuổi từ 15 đến 60 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2/tổng số người trong độ tuổi từ 15 đến 60 trên địa bàn:/....., tỷ lệ....%.

- Số người trong độ tuổi từ 15 đến 35 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2/tổng số người trong độ tuổi từ 15 đến 35 trên địa bàn:/....., tỷ lệ....%.

- Huy động người khuyết tật có khả năng học tập vào nhà trường:/....., tỷ lệ.....

b. Xã, phường, thị trấn bảo đảm huy động đủ người tham gia dạy học xóa mù chữ tại địa bàn là giáo viên của các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục khác, người đạt trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 72 của Luật Giáo dục năm 2019.

- Đối với các xã có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn, biên giới, bảo đảm huy động đủ người tham gia dạy học xóa mù chữ tại địa bàn là giáo viên hoặc người đã tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên.

- Số người theo dõi công tác PCGD, XMC tại địa bàn được phân công:...

c. Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học: xã, phường, thị trấn bảo đảm điều kiện thuận lợi cho các lớp xóa mù chữ được sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của các cơ sở giáo dục, trung tâm Văn hóa – Thể thao và Học tập cộng đồng, cơ quan, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức khác và cá nhân trong địa bàn để thực hiện dạy học xóa mù chữ.

Kết quả:

- Số xã, phường, thị trấn được công nhận đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1/tổng số xã, phường, thị trấn:/....., tỷ lệ: %.

- Số xã, phường, thị trấn được công nhận đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2/tổng số xã, phường, thị trấn:/....., tỷ lệ: %.

III. Kết quả huy động người khuyết tật học tập (độ tuổi từ 5 tuổi đến 60 tuổi).

Tổng số người khuyết tật trong độ tuổi:

Tổng số người khuyết tật trong độ tuổi có khả năng học tập:

Tổng số người khuyết tật trong độ tuổi có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục:

Tỷ lệ người khuyết tật trong độ tuổi có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục/tổng số người khuyết tật trong độ tuổi có khả năng học tập:%.

IV. Đánh giá chung

1. Thành tựu đạt được và nguyên nhân

2. Hạn chế, tồn tại và nguyên nhân

3. Bài học kinh nghiệm

4. Kiến nghị, đề xuất

5. Kết luận chung

Căn cứ Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy

trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, tính đến thời điểm tháng 12/2020, huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn PCGD, XMC, cụ thể như sau:

- PCGD mầm non cho trẻ em 5 tuổi.....
- PCGD tiểu học mức độ
- PCGD trung học cơ sở mức độ
- Xóa mù chữ mức độ
- Số đối tượng trong độ tuổi 18-21 có bằng tốt nghiệp THPT và tương đương/tổng số đối tượng trong độ tuổi 18-21:/....., tỷ lệ%.

PHẦN C. PHƯƠNG HƯỚNG NĂM 2021

I. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung

2. Mục tiêu cụ thể

Huyện tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng kết quả đạt chuẩn về:

- PCGD MN cho trẻ em 5 tuổi.
- PCGD Tiểu học đạt chuẩn mức độ
- PCGD THCS đạt chuẩn mức độ
- Xóa mù chữ đạt chuẩn mức độ ...

II. Các chỉ tiêu

1. Tiêu chuẩn công nhận đạt chuẩn PCGD, XMC

- Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn PCGD MN cho trẻ em 5 tuổi: có .../... xã, phường, thị trấn và huyện.

- Đạt chuẩn PCGD tiểu học:

+ Đơn vị cấp xã: có .../... xã đạt mức độ 1; có .../... xã đạt mức độ 2; có .../... xã đạt mức độ 3.

+ Huyện đạt mức độ ...

- Đạt chuẩn PCGD THCS:

+ Đơn vị cấp xã: có .../... xã đạt mức độ 1; có .../... xã đạt mức độ 2; có .../... xã đạt mức độ 3.

+ Huyện đạt mức độ

- Thanh niên trong độ tuổi 18-21 có bằng tốt nghiệp THPT và tương đương đạt tỷ lệ%.

- Đạt chuẩn xóa mù chữ:

+ Đơn vị cấp xã: có .../... xã đạt mức độ 1; có .../... xã đạt mức độ 2.

- + Huyện đạt mức độ
- 2. Về đội ngũ giáo viên và nhân viên
- 3. Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học
- III. Nhiệm vụ và giải pháp
- IV. Tổ chức thực hiện

Nơi nhận:

-

TM. BAN CHỈ ĐẠO PCGD-XMC

TRƯỞNG BAN

(Chữ ký và con dấu)

PCT.UBND HUYỆN

(Họ và tên)